

Số:.....

**KẾ HOẠCH NĂM 2020  
VỀ SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM VÀ HIỆU QUẢ**

Kính gửi: Sở Công Thương TP. Hồ Chí Minh

Đơn vị: Khách sạn Rex

Báo cáo kế hoạch năm: 2020 Ngày lập báo cáo: 14/01/2020

Mã số ID:

Ngày tháng năm nhận báo cáo	
Ngày tháng năm xử lý, xác nhận	

Phân ngành: Dịch vụ khách sạn, nhà hàng

Tên cơ sở: Khách sạn Rex (Bến Thành)

Mã số thuế: 03006252-10-002

Địa chỉ: 141 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận I, TP. Hồ Chí Minh

Người chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo: Vũ Ngọc Lộc

Điện thoại: 3829 2185 Fax: 3829 6536 Email: [vn.loc@rex.com.vn](mailto:vn.loc@rex.com.vn)

Trực thuộc (tên công ty mẹ): Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn TNHH Một Thành Viên

Địa chỉ: 23 Lê Lợi, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 38 225 887 Fax: 38 243 239, Email: [saigontourist@sgtourist.com.vn](mailto:saigontourist@sgtourist.com.vn)

Chủ sở hữu: Nhà nước

**I. Thông tin về cơ sở hạ tầng và hoạt động**

Công nhân viên	Quản lý, phục vụ khách sạn/ nhà hàng	Nhân viên tạp vụ, phục vụ khác	Nhân viên vận hành/ sửa chữa thiết bị NL
Số lượng 494 người	416 người	46 người	32 người

Năm đưa tòa nhà vào hoạt động	Khu Đông:1959 Khu Tây: 2013 Khu New: 2008	Loại công trình	Toà nhà
Tổng diện tích mặt sàn	48.164 m <sup>2</sup>	Số tầng	07
Tổng diện tích được bao che	41.690 m <sup>2</sup>	Tổng diện tích bán bao che	2.472 m <sup>2</sup>
Tổng diện tích không bao che	4.002 m <sup>2</sup>	Diện tích được ĐHNĐ (1)	24.070 m <sup>2</sup>
Loại tòa nhà (2)	Khách sạn, nhà hàng		
Số phòng khách sạn/nhà hàng	286/02	Số văn phòng làm việc (nội bộ)	03
Tổng diện tích phòng khách ở	19.617 m <sup>2</sup>	Số lượng tối đa (khách/ tối).	350

Tổng diện tích phòng tiệc - họp	4.534 m <sup>2</sup>	Số phòng họp	08
Tổng diện tích phòng ăn (căn tin nội bộ + nhà hàng)	12.024 m <sup>2</sup>	Diện tích khu vui chơi, giải trí	3.293 m <sup>2</sup>
Tổng diện tích nhà để xe cho thuê	3.492 m <sup>2</sup>	Diện tích làm dịch vụ khác (Mặt bằng cho thuê)	2.187 m <sup>2</sup>

Ghi chú: (1) ĐHNĐ – Điều hòa nhiệt độ. (2) Là khách sạn hay nhà hàng. Số liệu trên không bao gồm khu Tây do đang sửa chữa nâng cấp.

**Mức tiêu thụ năng lượng hiện tại (Số liệu báo cáo thực hiện trong năm 2019)**

Loại nhiên liệu	Khối lượng		Nhiệt năng		Giá nhiên liệu TB		Mục đích sử dụng
Dầu Diezen	3.805	Lít/năm		kJ/lít	15.310	đ/lít	Chạy máy phát điện khi có sự cố cúp điện
Xăng	25.452	Lít/năm		kJ/lít	18.836	đ/lít	Vận chuyển hành khách
Khí đốt (LPG)	163.732	Kg/năm		kJ/kg	23.529	đ/kg	Nấu ăn, giặt ủi

Điện năng mua ngoài	Công suất: trạm biến áp 3.000 KVA	Điện năng 8,67 x 10 <sup>6</sup> kWh/năm
Giá điện mua	Trung bình: 2.636 đồng/kWh	Tổng cộng: 22.849 x 10 <sup>6</sup> đồng/năm
Điện tự sản xuất (nếu có) (Máy phát điện chỉ hoạt động khi xảy ra sự cố cúp điện trên mạng)	Công suất lắp đặt: 4.000 KVA	
	Điện năng sản xuất: ..... 10 <sup>6</sup> kWh/năm	
	Công nghệ: động cơ đốt trong	
	Nhiên liệu sử dụng: dầu DO	
Nhiên liệu thay thế: không		

**II. Kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2020**

**2.1. Dự kiến chỉ tiêu:**

Tổng chi phí năng lượng/nhiên liệu: 28.274 x 10<sup>6</sup>đồng (cộng số liệu từ bảng ở mục II.3)

Tổng chi phí vận hành: 301.000 x 10<sup>6</sup>đồng

Số lượng lao động trung bình toàn năm: 494 người

Diện tích mặt bằng sản xuất thực tế: 47.364 m<sup>2</sup>

**2.2. Kế hoạch sản xuất của cơ sở:**

(chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v...)			
Năng lực SX	Dự kiến sản xuất	Tỷ lệ so với chi phí sản xuất (%)	Tỷ lệ so với doanh thu (%)
Tên sản phẩm			
Khối Lưu trú: Phòng ngủ, Tiếp tân.	232 tỷ đồng/năm	77,08%	42,18%
Khối Ẩm thực: Phòng tiệc/ Hội nghị; Nhà hàng; Bar; Cà phê.	167,2 tỷ đồng/năm	55,55%	30,4%
Doanh thu khác: cho thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi - giải trí...	150,8 tỷ đồng/năm	50,1%	27,42%

**2.3. Dự kiến mức sử dụng nhiên liệu:**

Loại nhiên liệu	Mức sử dụng (Số lượng) (Đơn vị đo)	Giá nhiên liệu
Dầu Diezen	3.000 Lit/năm	16.500 đ/lít
Xăng	30.000 Lit/năm	20.000 đ/lít
Khí đốt (LPG)	165.000 Kg/năm	25.000 đ/kg

**Sử dụng điện**

Điện năng mua ngoài	Công suất: trạm biến áp 3.000 kVA	Điện năng = $8,5 \times 10^6$ kWh/năm
Giá điện mua	Trung bình: 2.780 đồng/ kWh	Tổng cộng: $23.500 \times 10^6$ đồng/năm
Điện tự sản xuất (nếu có) (Máy phát điện chỉ sử dụng khi xảy ra sự cố cúp điện trên mạng)	Công suất lắp đặt: 4.000 KVA	Giá điện sản xuất
	Điện năng sản xuất: ..... $10^6$ kWh/năm	.....đồng/kWh
	Công nghệ: máy nổ	
	Nhiên liệu sử dụng: dầu DO	
	Nhiên liệu thay thế:	

**2.4. Kế hoạch và mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng năm 2020:**

**Các giải pháp và dự kiến kết quả** (Đối chiếu với kế hoạch năm năm đã đăng ký và các giải pháp bổ sung- nếu có- trong năm kế hoạch)

<b>Giải pháp TKNL dự kiến áp dụng</b>	<b>Loại nhiên liệu</b>	<b>Mục đích của giải pháp</b>	<b>Dự kiến kết quả</b>	<b>Dự kiến chi phí (Triệu đồng)</b>	<b>Ghi chú</b>
- Cài đặt nhiệt độ máy lạnh khu vực phòng ngủ ở 25 <sup>0</sup> C thay vì 22 <sup>0</sup> C, - Nhân viên tắt máy lạnh khi vệ sinh phòng khách ở (khách đi ra ngoài phòng). Tiêu chuẩn vệ sinh = 30' phòng.	Điện năng	- Tiết giảm điện năng tiêu thụ cho hệ thống điều hoà nhiệt độ khu vực phòng ngủ	Mức tiết kiệm NL: 28.000 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 2 (%) Tiết kiệm chi phí: 70 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	-	-
- Tắt bớt đèn ở những khu vực có ánh sáng mặt trời. - Tắt bớt 1 dãy đèn hành lang phòng ngủ từ 7g00 – 18g00 mỗi ngày.	Điện năng	- Tiết giảm điện năng tiêu thụ cho hệ thống chiếu sáng hành lang khu vực phòng ngủ	Mức tiết kiệm NL: 12.000 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 1,2 (%) Tiết kiệm chi phí: 28 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	-	-
Thay thế 1000 bóng đèn compact 11 - 18w bằng bóng đèn led 5 - 9w.	Điện năng	- Tiết giảm điện năng tiêu thụ cho hành lang phòng ngủ khu New và hành lang sảnh tiếp tân.	Mức tiết kiệm NL: 92.160 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 40 (%) Tiết kiệm chi phí: 239 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	70	-
Thay thế 1000 bóng đèn huỳnh quang 36w bằng bóng led 20w	Điện năng	- Tiết giảm điện năng tiêu thụ cho khu vực khối văn phòng và tầng hầm để xe.	Mức tiết kiệm NL: 43.200 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 45 (%) Tiết kiệm chi phí: 112 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	44	-
Thay thế 20 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông	Điện năng	- Tiết giảm điện năng tiêu thụ cho phòng ngủ khu Đông	Mức tiết kiệm NL: 39.372 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 30 (%) Tiết kiệm chi phí: 98,4 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	450	-

(1) So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

**2.5. Kế hoạch thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ:**

<b>Năm</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Mô tả tính năng, vị trí sử dụng của thiết bị</b>	<b>Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)</b>	<b>Lý do lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế</b>	<b>Mức cam kết và khả năng thực hiện</b>
2019	20 máy lạnh inverter 2Hp cục bộ	- Tiết kiệm điện năng - Phòng ngủ khu Đông	Thay thế	Tiết giảm việc sử dụng năng lượng và bảo đảm chất lượng dịch vụ phục vụ khách	100%

### III. Kết quả thực hiện kế hoạch 2019

#### 3.1. Chỉ tiêu chung:

Tổng chi phí năng lượng/nhiên liệu  $27.239 \times 10^6$  đồng (cộng số liệu từ bảng ở mục 3.3)

Tổng chi phí vận hành  $311.200 \times 10^6$  đồng

Số lượng lao động trung bình toàn năm 494 người

Diện tích mặt bằng sản xuất thực tế  $47.364 \text{ m}^2$

#### 3.2. Sản xuất của cơ sở

(chọn đơn vị đo phù hợp với loại sản phẩm là tấn/năm; m/năm; m2/năm; m3/giờ v.v...)			
Năng lực SX	Doanh thu sản xuất (Số lượng) (Đơn vị đo)	Tỷ lệ so với chi phí sản xuất (%)	Tỷ lệ so với doanh thu (%)
Tên sản phẩm			
Khối lưu trú: Phòng ngủ, Tiếp tân, Tour desk	222,7 tỷ đồng/năm	71,56%	42,37%
Khối F&B: Phòng tiệc/Hội nghị; nhà hàng; Bar; Cà phê	158,8 tỷ đồng/năm	51,03%	30,21%
Doanh thu khác: thuê mặt bằng, dịch vụ vui chơi giải trí...	141,1 tỷ đồng/năm	46,3%	27,42%

#### 3.3. Sử dụng nhiên liệu thực tế

Loại nhiên liệu	Mức sử dụng (Số lượng) (Đơn vị đo)	Giá nhiên liệu (đồng)
Dầu Diezen	3.805 Lit	15.310
Xăng	25.452 Lit	18.836
Khí đốt	163.732 kg	23.529

#### Sử dụng điện thực tế

Điện năng mua ngoài	Công suất: trạm biến áp 3.000 kVA	Điện năng $8,67 \times 10^6$ kWh/năm
Giá điện mua	Trung bình: 2.636 đồng/kWh	Tổng cộng: $22.849 \times 10^6$ đồng/năm
Điện tự sản xuất (nếu có) (Máy nổ phát điện chỉ hoạt động khi có sự cố cúp điện trên mạng lưới)	Công suất lắp đặt: 4.250 kVA	Giá điện sản xuất
	Điện năng sản xuất: ..... $10^6$ kWh/năm	..... đồng/kWh
	Công nghệ: máy nổ	
	Nhiên liệu sử dụng: diesel	
	Nhiên liệu thay thế: diesel	

### 3.4. Kết quả đạt được về mục tiêu tiết kiệm, sử dụng hiệu quả năng lượng trong năm 2019:

Các giải pháp và kết quả đạt được (Đối chiếu với kế hoạch đã đăng ký ở mục II.4 và ghi thêm các giải pháp bổ sung- nếu có)

Giải pháp TKNL đã áp dụng	Loại nhiên liệu	Mục đích của giải pháp	Kết quả đạt được	Chi phí (Triệu đồng)	Ghi chú
- Cài đặt nhiệt độ máy lạnh khu vực phòng ngủ ở 25°C thay vì 22°C, - Nhân viên tắt máy lạnh khi vệ sinh phòng khách ở. - Tắt bớt đèn ở những khu vực có ánh sáng mặt trời.	Điện năng	Tiết giảm điện năng sử dụng cho hệ thống điều hoà nhiệt độ khu vực phòng ngủ và đèn chiếu sáng hành lang khu vực nhà hàng, tiệc - hội nghị	Mức tiết kiệm NL: 29.381 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 2,6% Tiết kiệm chi phí : 77,3 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	-	-
Thay thế 20 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông	Điện năng	- Tiết giảm điện năng tiêu thụ cho phòng ngủ khu Đông	Mức tiết kiệm NL: 36.560 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 25% Tiết kiệm chi phí : 102,4 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	450	
Thay thế 90 bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 4w.	Điện năng	- Tiết giảm điện năng tiêu thụ cho hệ thống chiếu sáng hành lang phòng ngủ và hành lang sảnh tiếp tân.	Mức tiết kiệm NL : 23.846 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 92% Tiết kiệm chi phí: 64 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	9.5	
Thay thế 330 bóng đèn huỳnh quang 36w bằng bóng đèn led 20w	Điện năng	- Tiết giảm điện năng tiêu thụ cho khu vực phòng họp – Tiệc – Hội nghị.	Mức tiết kiệm NL: 30.413 (kWh/năm) Mức tiết kiệm NL: 44% Tiết kiệm chi phí : 79 (Tr. đồng) Lợi ích khác:	23	

<sup>(1)</sup> So với mục đích sử dụng (ví dụ chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ, phụ tải cho thiết bị chuyển động, v.v...), không so với tổng năng lượng sử dụng.

### 3.5. Thực hiện việc thay thế, nâng cấp, bổ sung thiết bị công nghệ:

Tên thiết bị dự kiến lắp mới/nâng cấp/thay thế theo kế hoạch	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Thực hiện (Có/không)	Lý do (Trong trường hợp không thực hiện được)
Thay thế 20 máy lạnh 2Hp inverter cục bộ cho phòng ngủ khu Đông	Thay thế	Có	-
Thay thế 90 bóng đèn halogen 50w bằng bóng đèn led 3w	Thay thế	Có	-
Thay thế 330 bóng đèn huỳnh quang 36w bằng bóng đèn led 20w	Thay thế	Có	Thay thế trực tiếp qua 330 bóng đèn led

Tên thiết bị được lắp mới/nâng cấp/thay thế không có trong kế hoạch	Mô tả tính năng, vị trí sử dụng của thiết bị	Cách thức lắp đặt (lắp mới, nâng cấp hoặc thay thế)	Lý do lắp mới/nâng cấp/thay thế thiết bị
-	-	-	-



#### IV. Nội dung khác liên quan đến kế hoạch

--

#### **Cam kết**

Được sự ủy quyền của Giám đốc khách sạn Rex về việc dự thảo và báo cáo kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2018 của khách sạn Rex (Bến Thành), tôi cam kết đã kiểm tra kỹ các dữ liệu trong báo cáo, đảm bảo các dữ liệu là chính xác theo hiểu biết của bản thân tôi và xin chịu trách nhiệm về các dữ liệu đã báo cáo.

*TP.HCM, Ngày 14/01/2020*

**Người lập kế hoạch**  
Đại diện lãnh đạo Môi trường

**Giám đốc**